

## Vietnam joins WTO

Vietnam set to become the 150th member of the World Trade Organisation, Tuesday

WTO member states



# TÌNH HÌNH ƯỚC LƯỢNG VÀ DỰ BÁO SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Th.S PHẠM S  
 P. Giám Đốc Sở nông nghiệp  
 & PTNT Lâm Đồng

# NỘI DUNG



- GIỚI THIỆU
- 1/ PHƯƠNG THỨC ƯỚC LƯỢNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ TỈNH LÂM ĐỒNG
- 2/ ĐÁNH GIÁ
- 3/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA TỈNH TRONG 10 NĂM QUA
- 4/ DỰ BÁO BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VỤ 2006/07 VÀ VỤ 2007/08
- 5/ NHỮNG CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ CỦA TỈNH 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÀ PHÊ LÂM ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI
- 6/ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

# GIỚI THIỆU



- Lâm Đồng là một tỉnh được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu, đất đai với trên 200.000 ha đất Bazan phân bố chủ yếu ở độ cao 800-1.500m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình từ 18-26°C, lượng mưa trung bình từ 1.800 - 2.600 mm là điều kiện thuận lợi để Lâm Đồng phát triển đa dạng các loại cây trồng nói chung và cây cà phê nói riêng.
- Đến hết năm 2006 diện tích cà phê toàn tỉnh là 117.995,3 ha, trong đó diện tích kinh doanh là 116.338,5 ha; năng suất bình quân 20.1 /ha; sản lượng là 233.785 tấn. Diện tích cà phê trồng tập trung ở các huyện Lâm Hà 32.061ha; Di Linh 36.193ha; Bảo Lâm 25.947ha; Đức Trọng 8.091 ha; Bảo Lộc 6.939 ha. Lâm đồng là tỉnh trồng cà phê có diện tích lớn thứ hai sau Đăklăk, song năng suất đứng thứ nhất toàn quốc. Giá trị cây cà phê chiếm gần 60% tổng giá trị nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

# 1/ PHƯƠNG THỨC ƯỚC LƯỢNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ TỈNH LÂM ĐỒNG



- **1.1/ Các loại thông tin ước lượng sản xuất**
- Để nắm được kết quả sản xuất cà phê, chúng tôi đã sử dụng các thông tin ước lượng như sau:
- + Điều tra nông hộ.
- + Sử dụng phương pháp thống kê.
- + Chọn mẫu ngẫu nhiên.
- + Báo cáo kết quả chỉ đạo sản xuất từ cấp dưới.
- + Làm các thực nghiệm khoa học

# 1.2/ Các bước ước lượng



- 
- + Điều tra thực tế
- + Tổng hợp phân tích số liệu
- + Xử lý kết quả
- + Thông tin kết quả
-

# 1.3/ Nguồn thông tin và cách thức tiếp cận nguồn

- + Thu thập thông tin từ các trang trại.
- + Thu thập thông tin từ các địa phương.
- + Thu thập thông tin từ các Doanh nghiệp.
- + Để thu thập thông tin có cơ sở dữ liệu khoa học, các địa phương đều có cán bộ Nông nghiệp và cán bộ Thống kê, việc thu thập số liệu theo quy định chuyên ngành.

# 1.4/ Phương thức tổ chức, lưu trữ, quản lý và phổ biến số liệu ước lượng sản xuất cà phê

- Hàng năm ngành nông nghiệp và PTNT tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch năm,
- Thường xuyên báo cáo sơ , tổng kết tình hình sản xuất cà phê, họp giao ban định kỳ giữa Sở Nông nghiệp và các phòng Nông nghiệp & PTNT cấp huyện.
- Kết quả điều tra khảo sát ước lượng được thực hiện vào tháng 12 hàng năm.

## 1.5/ Phương thức xây dựng kế hoạch, quy hoạch trung và dài hạn sản xuất cà phê.



- Căn cứ vào nhiệm vụ kinh tế xã hội và tiềm năng vùng nguyên liệu cà phê, Sở Nông nghiệp & PTNT Lâm Đồng tiến hành xây dựng kế hoạch hàng năm.
- Tiến hành hội thảo khoa học để xây dựng kế hoạch trung hạn,
- Tiến hành hợp tác các Viện nghiên cứu, Viện Quy hoạch thiết kế Nông nghiệp để quy hoạch chiến lược phát triển cà phê dài hạn. Đặc biệt bám vào kế hoạch sử dụng đất 5 năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Ngành Nông nghiệp & PTNT Lâm Đồng đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2015, trong đó có định hướng về phát triển bền vững cây cà phê.



# 2/ ĐÁNH GIÁ

## ■ 2.1/ Về mức độ chính xác, tin cậy của thông tin số liệu.

- Trên cơ sở điều tra khảo sát và các nguồn thông tin và cách tiếp cận một cách khoa học, do đó các số liệu có độ chính xác và mức độ tin cậy cao. Từ kết quả khảo sát, ước lượng năm trước làm cơ sở dữ liệu cho các năm sau.

## ■ 2.2/ Về cách thức tổ chức, lưu trữ, quản lý và phổ biến số liệu.

- Nhìn chung các kết quả ước lượng được tổ chức lưu giữ một cách có hệ thống, khoa học, sử dụng quản lý để đánh giá về tốc độ tăng trưởng của ngành cà phê Lâm đồng. Là cơ sở dữ liệu để định hướng sản xuất và hội thảo khoa học phục vụ cho phát triển ngành cà phê Lâm Đồng.

## ■ 2.3/ Cách thức sử dụng số liệu cho việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch trung và dài hạn sản xuất cà phê.

- Trên cơ sở các ước lượng làm căn cứ phát triển bền vững, do đó tất cả các địa phương trong tỉnh đều sử dụng số liệu để hoạch định kế hoạch phát triển cà phê của địa phương mình.
- UBND Tỉnh Lâm đồng đã phê duyệt kế hoạch đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế – xã hội cho từng địa phương trong tỉnh, trong đó cây cà phê được định xác định là một trong những cây trồng góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

### 3/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA TỈNH TRONG 10 NĂM QUA

Bảng 3.1: DIỆN TÍCH CÀ PHÊ TỈNH LÂM ĐỒNG ( ha)

Địa phương	1995	2000	2002	2003	2004	2005
<b>Tổng diện tích</b>	<b>70.104</b>	<b>124.329</b>	<b>119.771</b>	<b>118.168</b>	<b>16.740</b>	<b>117.538</b>
Đà Lạt	803	3.841	3.440	3.460	3.312	3.345
Bảo Lộc	3.055	6.641	6.886	6.982	6.827	6.939
Lạc Dương	201	1.656	1.670	1.652	1.377	1.040
Đơn Dương	448	1.072	1.011	856	856	976
Đức Trọng	1.807	10.161	9.379	8.603	8.091	7.879
Đam Rông	–	–	–	–	–	3.094
Lâm Hà	21.770	34.436	34.630	34.322	34.017	32.061
Bảo Lâm	18.363	26.364	25.794	25.708	25.769	25.947
Di Linh	22.963	38.292	36.296	36.192	36.162	36.193
Đạ Huoai	331	934	358	126	87	62
Đạ Tẻh	120	363	251,8	237	212	212
Cát Tiên	200	170	55	30	30	– 10
<b>DT thu hoạch</b>	<b>50.751</b>	<b>91.705</b>	<b>107.621</b>	<b>111.137</b>	<b>113.822</b>	<b>115.458</b>

## Bảng 3.2: SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ TỈNH LÂM ĐỒNG ( Tấn)

Địa phương	1995	2000	2002	2003	2004	2005
<b>Tổng Sản lượng</b>	<b>61.656</b>	<b>167.360</b>	<b>110.245</b>	<b>179.578</b>	<b>205.227</b>	<b>211.804</b>
Đà Lạt	272	2.130	2.169	3.031	3.087	3.097
Bảo Lộc	4.207	8.715	5.460	11.589	12.914	15.728
Lạc Dương	38	587	473	643	1.129	771
Đơn Dương	268	907	890	741	920	1.194
Đức Trọng	1.628	8.292	8.436	15.580	17.778	15.159
Đam Rông	–	–	–	–	–	4.296
Lâm Hà	23.179	57.617	37.731	55.833	58.873	59.038
Bảo Lâm	18.455	34.324	22.174	34.032	44.900	47.006
Di Linh	13.566	54.019	32.514	57.823	65.254	65.154
Đạ Huoai	40	370	245	75	52	50
Đạ Tẻh	3	348	129	180	275	311
Cát Tiên	–	51	24	51	45	–

## Bảng 3.3 : GIÁ THÀNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ TẠI LÂM ĐỒNG

Hạng mục	ĐVT	Cafê Chè	Cafê Vối
1- Số đơn vị điều tra	Hộ	45	55
2- Diện tích gieo trồng	Ha	19,9	55,5
3- Sản lượng sản phẩm thu hoạch	Tấn	52,1	122,45
4- Năng suất trên diện tích gieo trồng	Tạ/ ha	26,2	22,1
5 – Tổng thu	1000đ	1.044.071,7	2.046.087
6- Tổng chi phí sản xuất	“	551.371	1.184.382
7- Cơ cấu chi phí sản xuất	%	100,0	100,0
7.1- Giống, phân bón	“		
- Giống	“	0	0
-Phân bón	“	44,37	46,64
7.2-Thuốc BVTV, nhiên liệu, phí ...	“	13,08	13,92
7.3- Chi phí thuê ngoài	“	17,62	15,32
7.4- Chi phí lao động tự làm	“	24,93	24,12
8- Chi phí sản xuất 1 kg cà phê nhân	đ/ kg	<b>10.600</b>	<b>9.700</b>

## 3.1/ Cơ cấu giống và chất lượng vườn cà phê

- Giống cà phê trồng được chủ yếu là Robusta chiếm khoảng trên 92%
- Thời gian qua trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về giống của các cơ quan nghiên cứu, Lâm Đồng đã đưa các dòng cà phê cao sản vô tính vào ứng dụng nhằm cải tạo chất lượng giống thông qua các biện pháp kỹ thuật ghép cải tạo, thay thế... Tuy nhiên, diện tích ứng dụng còn hạn chế (khoảng hơn 1.500 ha),
- Cà phê chè (Arabica) chiếm khoảng 8%. trong thời gian qua tỉnh đã có chính sách hỗ trợ về cây giống cà phê Catimor để trồng mới nhưng tốc độ chuyển đổi còn chậm.

## 3.2/ Kỹ thuật trồng và chăm sóc

- Nhìn chung đại đa số nông dân trồng cà phê đã tiếp cận được kỹ thuật trồng và chăm sóc cà phê.
- Tuy nhiên diện tích thâm canh vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp, nông dân chưa đầu tư nhiều đến các biện pháp canh tác bền vững, cải tạo và bồi dưỡng đất, bón phân cân đối đầy đủ, tưới nước giữ ẩm cho cây, trồng cây che bóng chắn gió, các biện pháp chống xói mòn

## 3.3/ Thu hoạch, bảo quản và chế biến



- 3.3.1/ *Thu hoạch*
- Thực trạng chung hiện nay là hầu hết nông dân thu hoạch cà phê theo hình thức hái trắng toàn bộ, đạt 70-80%, tỷ lệ trái chín đạt 50-60%. Nguyên nhân thực tế dẫn đến hiện tượng thu hoạch non là do vấn đề an ninh.
- 3.3.2/ *Bảo quản, chế biến*
- Việc bảo quản sau thu hái và chế biến chưa được chú trọng, do hạn chế về kho bãi, sân phơi .
- Hình thức chế biến cà phê trong nông dân hiện nay hoàn toàn là chế biến khô,
- Cơ sở chế biến cà phê theo công nghệ chế biến ướt quy mô lớn, tập trung để tạo nên nguồn nguyên liệu tập trung

## 3.4/ Tình hình thu mua và xuất

### khẩu

- Hầu hường thu mua cà phê trên địa bàn Tỉnh khá sôi động, khi vào vụ thu hoạch nhiều cơ sở thu mua cà phê nhân khô phân bố đến từng xã, các cơ sở này kinh doanh theo hình thức thu gom trung gian. Các cơ sở này đáp ứng tốt khâu tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.
- Cơ sở thu mua kết hợp chế biến cà phê toàn Tỉnh hiện có 21 cơ sở, tập trung ở Bảo Lộc, Di Linh, Lâm Hà, Đức Trọng, trong đó có:
  - - 13 cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu, năng lực thu mua, chế biến khoảng 180.000-200.000 tấn/năm.
  - - 08 cơ sở chế biến cà phê thành phẩm (cà phê rang - xay bột) chế biến khoảng 1.300 tấn cà phê bột/năm nhìn chung các cơ sở này có quy mô nhỏ, thị trường chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh, và các tỉnh phía Nam.

## 3.5/ Những thuận lợi, khó khăn

### 3.5.1/ Thuận lợi

- Nhìn chung vùng trồng cà phê của Lâm Đồng khá tập trung, điều kiện thời tiết, khí hậu, đất đai khá thuận lợi để phát triển vùng cà phê thâm canh.
- Nông dân đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, tiếp thu được nhiều tiến bộ kỹ thuật để ứng dụng trong quá trình sản xuất, thâm canh cà phê. Nhiều mô hình thâm canh đạt năng suất 6-8 tấn nhân khô/năm.
- Tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ nông dân chuyển đổi những diện tích kém hiệu quả và ổn định thâm canh tăng năng suất đối với diện tích còn lại.

### 3.5.2/ Khó khăn

- Sản phẩm cà phê chủ yếu của Tỉnh vẫn là cà phê Robusta (chiếm khoảng 80% tổng sản lượng cà phê của tỉnh), giá bán thấp (bằng 55-65% giá của cà phê Chè), đây là nguyên nhân hạn chế khi tiêu thụ sản phẩm cà phê trên thị trường.
- Chất lượng cây giống trồng mới những năm trước kém, hệ thống thủy lợi phục vụ thâm canh, tưới nước chống hạn vào mùa khô còn hạn chế.



## 4/ DỰ BÁO BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VỤ 2006/07 VÀ VỤ 2007/08

- Kết quả ước lượng cho thấy đến năm 2006/ 2007 diện tích cà phê toàn tỉnh là 117.995,3 ha, trong đó diện tích kinh doanh là 116.338,5 ha; năng suất bình quân 20.1 /ha; sản lượng là 233.785 tấn.
- Kết quả ước lượng cho thấy năm 2007/ 2008 diện tích cà phê toàn tỉnh là 118.323 ha (tăng 11,89%); trong đó diện tích kinh doanh là 116.930 ha; năng suất bình quân 21,3 /ha (tăng 5,97% ); sản lượng là 249.330 tấn ( tăng 6,6%).



## 5/ NHỮNG CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ CỦA TỈNH 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÀ PHÊ LÂM ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI

### ■ 5.1/ những chính sách và chiến lược sản xuất, thương mại cà phê của tỉnh 5 năm qua

#### ■ 5.1.1. Quy hoạch ổn định vùng cà phê

■ - Phát triển bền vững vùng trồng cà phê trên cơ sở thực hiện theo phương án rà soát ngành nông nghiệp đến năm 2010.

■ - Quy hoạch phát triển một số vùng sinh thái để trồng cà phê chè cao cấp, cà phê chè hữu cơ. Đảm bảo diện tích cà phê chè đạt khoảng 20% tổng diện tích cà phê toàn Tỉnh ...

■ - Rà soát, quy hoạch thủy lợi, nghiên cứu các giải pháp khai thác đồng bộ để đảm bảo có đủ nước tưới cho cà phê trong mùa khô.

#### ■ 5.1.2/ Về khoa học công nghệ

■ + Đối với sản xuất nông nghiệp:

#### ■ - Giống:

■ Đầy mạnh công tác chọn tạo, ứng dụng giống mới để tiếp tục nhân rộng các giống có năng suất cao, phẩm chất tốt...

■ Chuyển giao nhanh các tiến bộ kỹ thuật về ghép cải tạo để thay thế, cải tạo giống đối với diện tích cà phê Robusta hiện có.

#### ■ - Kỹ thuật canh tác:

■ Nghiên cứu các biện pháp thâm canh tổng hợp cho từng giống cà phê, từng vùng sinh thái. Trên cơ sở bón phân hữu cơ đầy đủ, tăng cường bón phân cân đối thành phần tỷ lệ N-P-K và các nguyên tố vi lượng. Chuyển dần tập quán bón phân tỷ trọng vô cơ cao sang phương thức canh tác hữu cơ bền vững.

- Nghiên cứu và ứng dụng chế độ tưới nước khoa học, hợp lý, tiết kiệm
- Ứng dụng các tiến bộ kỹ kích thích trái cà phê chín hàng loạt nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, khảo nghiệm xác định các loại thuốc BVTV thế hệ mới, thuốc sinh học có khả năng phòng trừ tốt các loại sâu bệnh hại cà phê.
- - Thu hoạch và bảo quản:
- Khuyến cáo kỹ thuật thu hái cà phê đúng quy trình kỹ thuật, đúng độ chín, tỷ lệ trái chín. Tình trạng thu hái cả trái xanh, trái non hiện nay là một tồn tại lớn cần khắc phục ngay trong thời gian tới.
- Chú trọng khâu bảo quản và xay sát, phơi sấy.
- + Giải pháp công nghệ chế biến:
- Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ, thiết bị. Đặc biệt ưu tiên cho phát triển công nghệ chế biến cà phê hòa tan, đồ uống giải khát có cà phê... Quản lý chặt chẽ quy trình công nghệ, chú trọng công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.
- Gắn kết nhà máy chế biến với vùng cung cấp nguyên liệu,
- Tăng cường thiết bị hiện đại kết hợp với đào tạo nguồn nhân lực quản lý, vận hành nhằm từng bước làm tốt công tác kiểm tra kiểm soát chất lượng sản phẩm, tiến đến các cơ sở sản xuất cà phê có thể đăng ký sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9000, HACCP , GAP, góp phần tăng uy tín sản phẩm cà phê Lâm Đồng trên thị trường thế giới và trong nước.

## 5.1.3/ Giải pháp về chính sách:

- - Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật.
- - Tạo nguồn vốn vay để thâm canh vườn cà phê, cải tạo giống, cải tiến kỹ thuật thu hái, bảo quản và cải tiến công nghệ chế biến đặc biệt là tập trung cho công nghệ chế biến ướt.
- - Khuyến khích đầu tư thâm canh, đẩy mạnh công tác khuyến nông đối với cây cà phê.
- - Nhà nước quy hoạch và khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, sử dụng phương thức tưới bằng động lực, tưới điện.
- - Thực hiện tốt Quyết định 80/TTg về mối liên kết giữa 4 nhà (nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp) trong việc liên kết sản xuất, chế biến và xuất khẩu cà phê.
- - Các cơ quan chuyên ngành như Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật cây công nghiệp & cây ăn quả Lâm Đồng, Trung tâm Nông nghiệp các huyện tăng cường công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao các quy trình, hướng dẫn thâm canh, hướng dẫn người trồng cà phê .
- - Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc liên kết thu mua nguyên liệu, từng bước chiếm lĩnh và mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước Đông Âu và Bắc Mỹ.

## 5.2/ Những định hướng phát triển ngành cà phê lâm đồng trong những năm tới

### 5.2.1/ Đối với khâu sản xuất nông nghiệp:

- Dự kiến đến năm 2010 diện tích cà phê định hình từ 105.000ha- 110.000 ha; năng suất bình quân 22 - 25 tạ/ha/năm; sản lượng đạt 250.000 - 270.000 tấn/năm.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác,

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các dòng cà phê chọn lọc vô tính có năng suất cao, phẩm chất tốt, Tăng cường chỉ đạo diện tích cà phê trồng mới và ghép cải tạo từ năm 2007 về sau là những giống có tiềm năng năng suất từ 45 tạ/ha trở lên.

- Tăng cường chuyển đổi sang trồng cà phê chè (Typica, catimor, moka...) ở những nơi có điều kiện phù hợp, đưa tổng diện tích cà phê chè toàn Tỉnh đạt 20.000 ha, trong 4 năm trồng mới 13.000 ha, bình quân một năm trên 3000 ha.

- Phát triển các công trình thủy lợi, hồ chứa nước vừa và nhỏ phục vụ tưới cà phê vào mùa khô.



## 5.2.2/ Công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế

biến



- Tăng cường khuyến cáo và có các giải pháp kinh tế hợp lý để hạn chế việc thu hái cà phê không đúng quy trình kỹ thuật, thu hái trái xanh, non, tỷ lệ trái chín thấp. Khuyến khích nông dân thu hoạch đúng yêu cầu kỹ thuật, thu hoạch đảm bảo độ chín, tỷ lệ trái chín đáp ứng công nghệ chế biến...
- Ứng dụng các loại máy xát quả tươi, xát bóc vỏ có công suất vừa và nhỏ phù hợp quy mô vườn hộ để sử dụng trong chế biến khô nhằm góp phần giải quyết sự thiết hụt về sân phơi, kho chứa...
- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư công nghệ chế biến ướt ở các vùng cà phê tập trung, vùng cà phê cao sản...
- Đổi mới công nghệ, thiết bị đánh bóng cà phê vối, trang bị thêm thiết bị đánh bóng cà phê chè.
- Khuyến khích các hình thức hợp tác và hình thành hệ thống chuyên môn hóa trong sản xuất, liên kết hợp tác thành lập các cơ sở vừa và nhỏ về bảo quản, chế biến, gia công, đa dạng hóa sản phẩm...

## 5.2.3/ Thị trường tiêu thụ:



- Thời gian tới cần đầu tư, khuyến khích xây dựng các nhà máy chế biến công nghiệp sản phẩm từ cà phê nguyên liệu như cà phê hòa tan, đồ uống giải khát có cà phê, cà phê bột... để tăng nhanh giá trị xuất khẩu và tiêu dùng của ngành cà phê Lâm Đồng.
- Mở rộng các hình thức kêu gọi, thu hút đầu tư đối với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước vào lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cà phê.
- Xây dựng thương hiệu cho cà phê Lâm Đồng và thương hiệu cà phê chè Đà Lạt chất lượng cao.

## 6/ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT



- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Hiệp hội cà phê ca cao Việt Nam hỗ trợ cho tỉnh Lâm Đồng:
  - - Giới thiệu các tổ chức Quốc Tế, các Tập đoàn kinh doanh cà phê hỗ trợ xây dựng các Dự án canh tác cà phê bền vững.
  - - Xây dựng các vùng sản xuất cà phê Robusta cao sản, chất lượng cao đáp ứng các bộ tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.
  - - Xây dựng các mô hình phát triển cà phê chè chất lượng cao.
  - - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn nông dân để nâng cao kỹ thuật thâm canh, thu hái cà phê theo tiêu chuẩn GAP.
  - - Có chính sách hỗ trợ các Doanh nghiệp một số Dự án chế biến cà phê ứt để nhân rộng trong tương lai.



Xin chân thành cảm ơn!

